

HỆ THỐNG GIÁO DỤC ASEAN

Phạm Thị Ly

Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh





ASEAN STATE OF EDUCATION REPORT 2013



one vision
one identity
one community

The Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) was established on 8 August 1967. The Member States of the Association are Brunei Darussalam, Cambodia, Indonesia, Lao PDR, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thailand and Viet Nam. The ASEAN Secretariat is based in Jakarta, Indonesia.

For inquiries, contact:

The ASEAN Secretariat
Public Outreach and Civil Society Division
70A Jalan Sisingamangaraja
Jakarta 12110
Indonesia
Phone : (62 21) 724-3372, 726-2991
Fax : (62 21) 739-8234, 724-3504
E-mail : public@asean.org

General information on ASEAN appears online at the ASEAN Website: www.asean.org

Catalogue-in-Publication Data

ASEAN State of Education Report 2013
Jakarta: ASEAN Secretariat, February 2014

379.459

1. ASEAN – Study Report
2. Education systems – Education policies

ISBN 978-602-7643-81-9

The text of this publication may be freely quoted or reprinted, provided proper acknowledgement is given and a copy containing the reprinted material is sent to Public Outreach and Civil Society Division of the ASEAN Secretariat, Jakarta.

Copyright Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) 2013
All rights reserved.

Photo Credits: All Photos in the publication are provided by the Ministry of Education (Brunei Darussalam, Malaysia, Viet Nam); Ministry of Education, Youth and Sports (Cambodia); Ministry of Education and Culture (Indonesia); Department of Higher Education Myanmar; the AUN Secretariat; the ASEAN Secretariat



This publication is supported by the European Union
through the Regional EU-ASEAN Dialogue Instrument (READI)
Information on READI can be found at: readi.asean.org

ASEAN: Tổng quan các số liệu trực tiếp liên quan đến giáo dục

Nước	GDP đầu người (USD)	GDP đầu người (PPP)	Dân số dưới mức nghèo đói	Tỉ lệ chi cho GD trong chi tiêu ngân sách	Tỉ lệ chi GD trên GDP
Brunei	38.703	52.059	n/a	16,9%	3,3%
Singapore	50.130	50.744	n/a	21%	3,1%
Malaysia	9.941	15.955	3,8	21,3&	5,1%
Thailand	5.116	8.907	7,2	29,5%	5,8%
Indonesia	3.563	4.763	13,3	20,2%	2,8%
Philippines	2.341	4.289	24,0	12,3%	2,7%
Viet Nam	1.403	3.440	13,1	19,8%	6,6%
Lao PDR	1.279	2.824	24,0	13,2%	3,3%
Cambodia	879	2.287	26,1		2,6%
Myanmar	875	1.393	25,6	6,1%	0,8%

ASEAN 6- **BRUNEI** (p.30)



HỆ THỐNG GD BRUNEI

- Dân số 400.000 người, GDP 38.703 USD (sản xuất dầu)
- 74% Malay+ 16% người Hoa. Hầu hết nói tiếng Anh
- Bộ GD + Bộ Tôn giáo
- TẦM NHÌN: XÂY DỰNG TƯƠNG LAI TRÊN KINH TẾ TRI THỨC



	Tiểu học	trung học	đại học
Tỉ lệ nhập học	98%	91%	20%
Hoàn thành bậc học	100%	95%	11%



Tuổi	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17-18
Lớp				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12-13
Cấp học	Mẫu giáo			TiỂU HỌC						TRUNG HỌC					Dự bị ĐH
Bắt buộc	Tự nguyện			Bắt buộc											Tự nguyện
Chi phí	HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ														



HỆ THỐNG GD BRUNEI: TIỂU HỌC

Tiểu học: **SONG NGŨ**



- Tám môn: Ngôn ngữ, Toán, Khoa học, Khoa học xã hội và nhân văn, nghệ thuật và văn hóa, công nghệ, sức khỏe và giáo dục thể chất; giáo lý đạo Hồi.
- Kỹ năng tư duy+ vi tính được nhấn mạnh
- Cuối cấp có một kỳ thi để đánh giá mức độ sẵn sàng và phân luồng



HỆ THỐNG GD BRUNEI:TRUNG HỌC

Trung học: **PHÂN LUỒNG**



- LỚP 7 VÀ LỚP 8: Chương trình chung.
- Trọng tâm: năng lực phán đoán, giải quyết vấn đề, áp dụng kiến thức, và sáng tạo
- Mục tiêu: Làm chủ ngôn ngữ và các khái niệm cơ bản, có kỹ năng học độc lập, yêu nước và hiểu biết triết lý của nền quân chủ Hồi giáo



HỆ THỐNG GD BRUNEI

Trung học: **PHÂN LUỒNG**



-Cuối năm lớp 8 có một kỳ đánh giá (xét học bạ +thi) để phân luồng:

- + Chương trình 4 năm tiếp theo; hoặc
- + Chương trình 5 năm

Sau đó thi Brunei Cambridge General Certificate of Education Ordinary Level Examination (O-levels).



HỆ THỐNG GD BRUNEI: SAU TRUNG HỌC

- ◆ **Dự bị ĐH:** sau khi đạt trình độ O, có thể học 2 năm dự bị lấy trình độ A
- ◆ Sau đó có thể vào:
 - **Hệ thống dạy nghề (TVET):** kỹ nghệ hàng không, xây dựng, thẩm mỹ, du lịch, kế toán, thiết kế nội thất, v.v.
 - **Đại học:** cử nhân, thạc sĩ tiến sĩ. Chỉ 30% học sinh



HỆ THỐNG GD BRUNEI



- ◆ Tài chính = dồi dào
- ◆ Bình đẳng = tỉ lệ nữ ngang bằng nam giới + chế độ hỗ trợ cho học sinh khó khăn (bữa ăn và tài liệu học)
- ◆ Quản trị = Cải cách mạnh mẽ với Tầm nhìn 2008-2035 (tận dụng công nghệ hiện đại; cá nhân hóa; đánh giá tiến trình học tập, cải thiện PP giảng dạy (100 giờ tập huấn hàng năm); nhấn mạnh sự quân bình giữa cuộc sống số hóa và sự trung thành với những giá trị quân chủ Hồi giáo.

(p.79)

ASEAN 6- SINGAPORE



HỆ THỐNG GD SINGAPORE

- Dân số 5,18 triệu, GDP 50.130 USD , xếp thứ 2/144 quốc gia về năng lực cạnh tranh
- Đa sắc tộc. 74 % người Hoa. Hầu hết nói tiếng Anh
- Chủ trương: DẠY ÍT ĐI, HỌC NHIỀU HƠN



	Tiểu học	trung học	đại học
Tỉ lệ nhập học	100%	98,8%	81,3%
Hoàn thành bậc học	100%	99,3%	



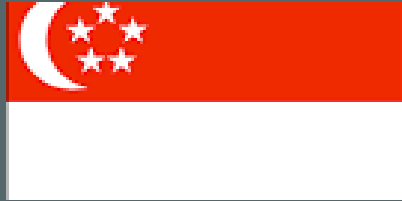
Tuổi	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17-18
Lớp				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Cấp học	Mẫu giáo			TiỂU HỌC						TRUNG HỌC			Dự bị ĐH		
Bắt buộc	Tự nguyện			Bắt buộc						Tự nguyện					
Chi phí	Miễn phí			MỨC BAO CẤP RẤT CAO											

HỆ THỐNG GD SINGAPORE: MẦM NON



Tự nhân, học phí rất khác nhau
Nhà nước hỗ trợ chi phí

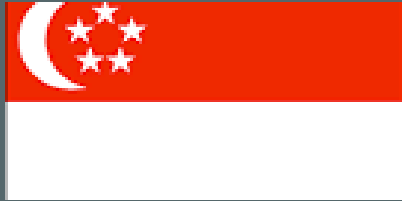
HỆ THỐNG GD SINGAPORE: TIỂU HỌC



- GỒM 2 giai đoạn : lớp 1-4 (nền tảng) lớp 5-6 (định hướng)
- Cuối lớp 6 thi Kỳ thi Quốc gia tốt nghiệp tiểu học gồm 4 môn: Toán, Tiếng mẹ đẻ, Tiếng Anh và Khoa học.
- Trọng tâm: Hỗ trợ học sinh đạt đến những **giá trị** vững chắc và **kỹ năng sống cơ bản**, đặt nền tảng cho kỹ năng ngôn ngữ và tính toán. Các môn học: nghệ thuật, giáo dục đạo đức công dân, âm nhạc, xã hội học, giáo dục thể chất



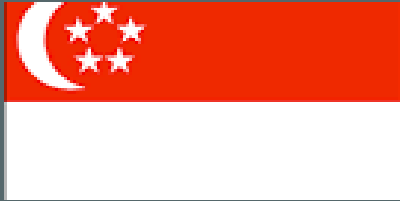
HỆ THỐNG GD SINGAPORE: TRUNG HỌC



KẾT QUẢ thi tiểu học dùng để phân luồng:

- 60% học chương trình EXPRESS
- 25% HỌC chương trình BÌNH THƯỜNG thiên về hàn lâm
- 15% học chương trình BÌNH THƯỜNG thiên về đào tạo nghề

HỆ THỐNG GD SINGAPORE: TRUNG HỌC



Sau bốn năm trung học:

Express: thi trình độ O: Tiếng Anh và tiếng mẹ đẻ, các môn nhân văn, toán. Môn tự chọn gồm khoa học, văn học, thiết kế, công nghệ, v.v.

Normal: thi trình độ N.

Ngoại khóa rất được coi trọng: nhằm xây dựng tính cách, giá trị và kỹ năng sống



HỆ THỐNG GD SINGAPORE:

SAU TRUNG HỌC

25% HS vào các lớp tiền đại học (cao đẳng 2 năm hoặc các trường học tập trung chính quy 3 năm). Hầu hết sẽ thi trình độ A để xác định khả năng vào ĐH

Đạt trình độ O có thể vào 1 trong 5 trường cao đẳng nghề (3 năm): kỹ nghệ, kinh doanh, kế toán, du lịch, truyền thông đại chúng, truyền thông kỹ thuật số và khoa học ứng dụng (44% học sinh)





HỆ THỐNG GD SINGAPORE: SAU TRUNG HỌC

- The National University of Singapore (NUS), the Nanyang Technological University (NTU), the Singapore Management University, and the Singapore University of Technology and Design.
- Singapore Institute of Technology, tập trung đào tạo HS từ cao đẳng nghề và theo yêu cầu doanh nghiệp
- SIM University, chuyên đào tạo nghiệp vụ và các lớp bán thời gian, được nhà nước bao cấp.



HỆ THỐNG GD SINGAPORE:

Tài chính- cơ chế

- Được nhà nước tài trợ mạnh mẽ (21% tổng ngân sách)
- Các trường được khuyến khích cạnh tranh và hướng về thị trường – phân hóa theo nhu cầu người học
- Tự chủ.
- Các trường trung học cũng phỏng vấn để nhận HS





HỆ THỐNG GD SINGAPORE:

sư phạm – chất lượng

- Một trong những hệ thống thành công bậc nhất (PISA, TIMSS, PIRLC..) nhờ đầu tư vào chất lượng giáo viên
- SV sư phạm được bao cấp+trả lương. Mức lương GV: cạnh tranh.
- 100 giờ bồi dưỡng nghiệp vụ hàng năm. Trọng tâm: ICT + kỹ năng
- Bí quyết thành công của GD Singapore(1) lãnh đạo là người có tài năng, có chính sách khích lệ GV cải thiện; (2) đầu tư vào chất lượng giáo viên; (3) ICT và (4) đề cao minh bạch và trách nhiệm giải trình



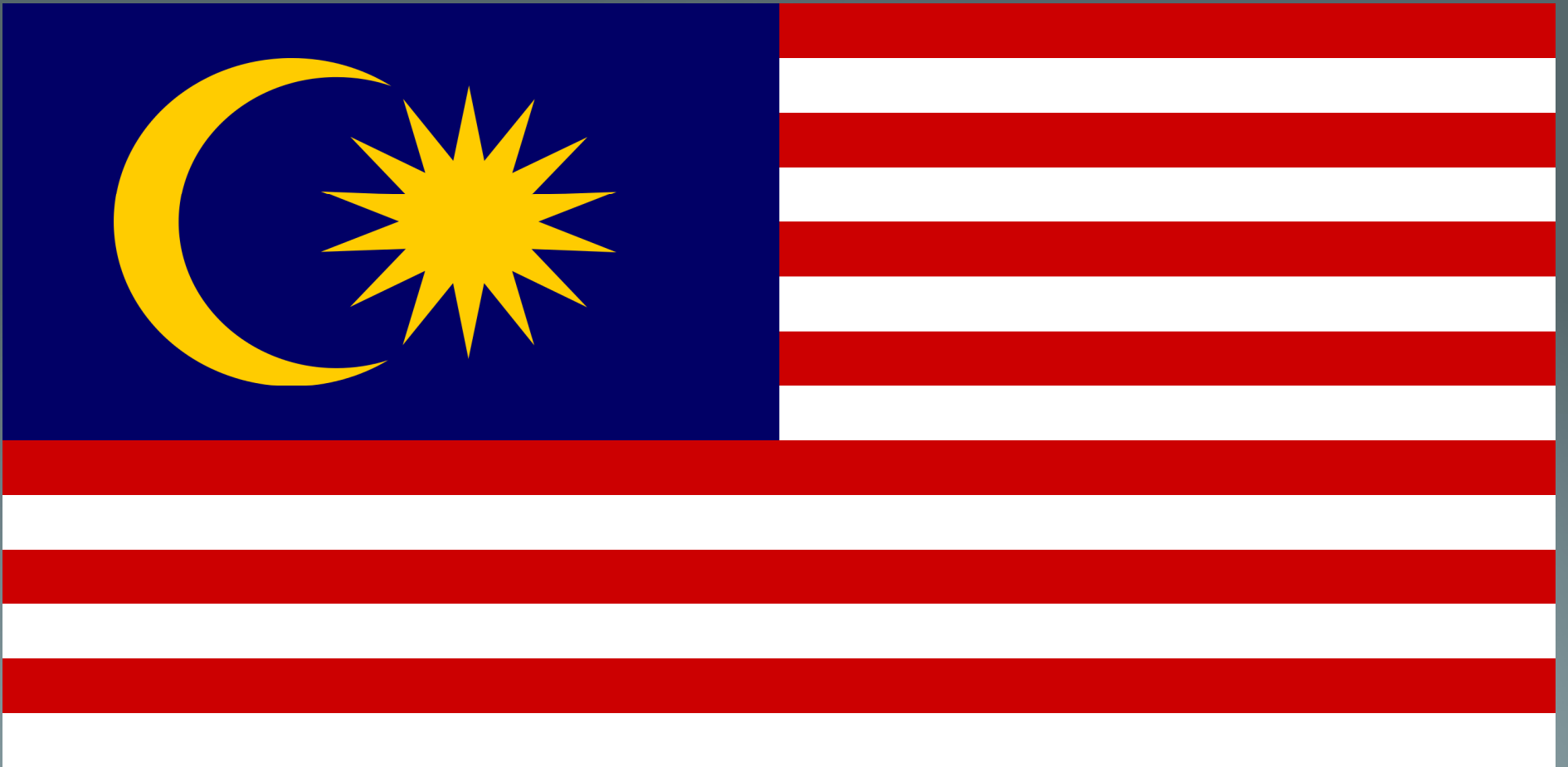
HỆ THỐNG GD SINGAPORE:

bí quyết thành công

- **Bộ Trưởng GD Singapore:** (1) lãnh đạo là người có tài năng, có chính sách khích lệ GV cải thiện; (2) đầu tư vào chất lượng giáo viên; (3) ICT và (4) đề cao minh bạch và trách nhiệm giải trình
- **OECD:** (1) cam kết của nhà nước về tầm quan trọng của GD; (2) văn hóa liên tục tự cải thiện; (3) quan tâm tới từng chi tiết khi thực hiện; (4) mục tiêu rõ ràng, tiêu chuẩn nghiêm ngặt; (5) GV-hiệu trưởng chất lượng cao; và (6) giải trình cẩn trọng

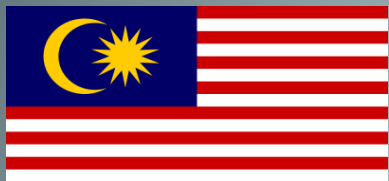
(p.59)

ASEAN 6- MALAYSIA



HỆ THỐNG GIÁO DỤC MALAYSIA

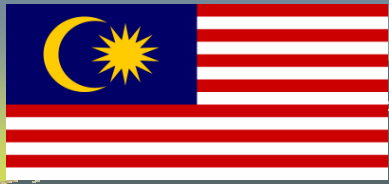
- Dân số 29 triệu. GDP khoảng 10.000 US\$
- 1996 Luật GD: GD=nỗ lực phát triển tiềm năng của cá nhân theo lối toàn diện nhằm tạo ra con người có trí tuệ, cân bằng và hài hòa về cảm xúc, về thể chất và có một niềm tin vững chắc vào sự cống hiến cho Thượng đế
- Kế hoạch 2013-2025: cải thiện cơ hội học, chất lượng, bình đẳng và hiệu quả



	Tiểu học	trung học	đại học
Tỉ lệ nhập học	96,4%	91 – 86- 78%	41%
Hoàn thành bậc học	99,06%	96%	N/A



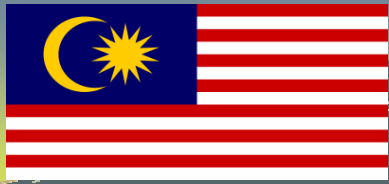
Tuổi	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
LỚP			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
Cấp học	Mẫu giáo		TiỂU HỌC						TRUNG HỌC CƠ SỞ			TRUNG HỌC PHỔ THÔNG		
Bắt buộc	Tự nguyện		Bắt buộc						Tự nguyện					
Chi phí	Miễn phí													



HỆ THỐNG GD MALAYSIA

Mầm non+ Tiểu học

- $\frac{3}{4}$ trẻ đến trường trước tuổi đi học (4-6 tuổi= nhà trẻ +mẫu giáo) 46% là trường tư. Quản lý + giáo viên phải được đào tạo chính quy
- Tiểu học hầu như hoàn toàn là trường công. Chỉ 3% học ở trường tư. Tất cả đều phải dạy môn tiếng Bahasa Malaysia, tiếng Anh và theo một chương trình đào tạo thống nhất.
- Kỳ thi quốc gia tốt nghiệp tiểu học: *Bahasa Malaysia*, Tiếng Anh, Toán và Khoa học. Tùy kết quả thi, hs có thể phải học thêm một năm tiếng Bahasa Malaysia trước khi vào trung học.



HỆ THỐNG GD MALAYSIA

Trung học

- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Bahasa Malaysia . Tiếng Anh bắt buộc. Phải dạy tiếng Tamil hoặc tiếng Hoa nếu có trên 15 học sinh yêu cầu.
- Sau 3 năm trung học cơ sở có một **kỳ thi tốt nghiệp quốc gia**: *Bahasa Malaysia*, Tiếng Anh, Toán, Khoa học, Địa, Sử, Kỹ năng sống, Giáo dục Đạo đức và Giáo lý Hồi giáo. Từ 2014: thay bằng đánh giá trong quá trình học
- **Các trường tôn giáo**: 2% học sinh. Dạy lịch sử giáo hội, tiếng Ả rập. Do Bộ Tôn giáo quản lý.



HỆ THỐNG GD MALAYSIA

Trung học

- Sau 2 năm Trung học phổ thông, HS có kỳ thi quốc gia Malaysian Certificate of Education (MCE), tương đương trình độ O.
- **Môn thi bắt buộc:** *Bahasa Malaysia, tiếng Anh, Toán, Khoa học, Sử, Giáo lý đạo Hồi (với hs đạo Hồi), Đạo đức học (với hs khác).*
- **Môn tự chọn:** *nghệ thuật, ICT, ngôn ngữ và văn học, khoa học xã hội, v.v.*
- Kết quả này quyết định đường vào ĐH

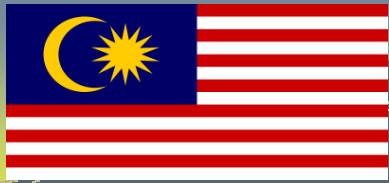


HỆ THỐNG GD MALAYSIA

Sau Trung học

- Chương trình 2 năm (Form Six program) lấy bằng Malaysian Higher Education (MHE) Certificate (theo mô hình trình độ A của Anh) hoặc Malaysian Higher Religious (MHR) Certificate nhằm chuẩn bị cho ĐH
- Hoặc vào các trường sư phạm, cao đẳng cộng đồng hoặc cao đẳng kỹ thuật.

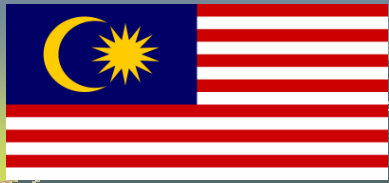




HỆ THỐNG GD MALAYSIA

Sau trung học

- Gồm 20 trường ĐH công, 30 trường cao đẳng nghề, 37 ĐH tư, hơn 400 trường CĐ tư.
- Hơn nửa hs trong hệ thống công lập. Hầu hết trường công dạy bằng tiếng *Bahasa Malaysia* trong khi trường tư dạy bằng *tiếng Anh*.
- Trường cao đẳng và dạy nghề không cấp bằng. Bằng ĐH phải tuân thủ yêu cầu của Malaysian Qualifications Agency (MQA), một tổ chức quản lý nhà nước có chức năng kiểm định chương trình.



HỆ THỐNG GD MALAYSIA: đào tạo nghề

- Số HS đang giảm trong lúc nhu cầu XH cao.
- Đang cải cách mạnh mẽ: thêm trường mới, nhấn mạnh hợp tác với doanh nghiệp, tăng cường cơ chế đánh giá.

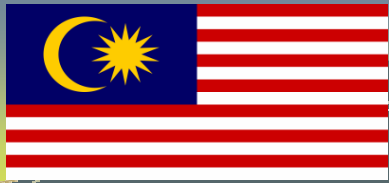




HỆ THỐNG GD MALAYSIA

Đại học và Đại học tư

- Bằng ĐH phải tuân thủ yêu cầu của Malaysian Qualifications Agency (MQA), một tổ chức quản lý nhà nước có chức năng kiểm định chương trình.
- ĐH tư có vai trò quan trọng. Nhiều trường liên kết đào tạo quốc tế.
- Nhiều trường nước ngoài có uy tín đã mở chi nhánh ở Malaysia
- Phù hợp định hướng quốc tế hóa: thu hút SV nước ngoài và trở thành một đầu mối trong khu vực.



HỆ THỐNG GD MALAYSIA

Tài chính và Quản trị

- Mức đầu tư cao trong thời gian dài: 16% ngân sách và 3,8% GDP cao hơn trung bình OECD, và ASEAN. Kết quả TIMSS trên trung bình và xuống hạng từ 2003-2011. (10-26 Toán, 20-32 khoa học) PISA 2009 đứng trong nhóm kém nhất.
- Malaysia's *Education Blueprint*: cải cách toàn diện, tăng tự chủ toàn diện ở cấp trường.



HỆ THỐNG GD MALAYSIA

vấn đề bình đẳng

- Bình đẳng là một khó khăn lớn, do: địa lý, định kiến giới. Tuy vậy đang có lo ngại về trẻ trai bỏ học.
- Khó khăn lớn là chênh lệch học vấn giữa các nhóm giàu nghèo khác nhau.

ASEAN 6-THÁI LAN (p.86)



THÁI LAN (p. 86)

- Dân số 67,6 triệu, đứng thứ 38 về năng lực cạnh tranh GDP US\$5,116. 7.2% dân số dưới mức nghèo đói.
- Tuổi trung bình: 35,1 (già hơn so với ASEAN)
- 95% dân theo đạo Phật, 5% đạo Hồi
- Ngôn ngữ: Tiếng Thái. + tiếng địa phương



HỆ THỐNG GD THÁI LAN



Tuổi	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Lớp				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Cấp học	Mẫu giáo			Tiểu học						TH cơ sở			THPT		
Bắt buộc	Tự nguyện			Bắt buộc									Tự nguyện		
Chi phí	Miễn phí hoàn toàn														

	Mầm non	Tiểu học	THCS	THPT	ĐH-CD
Tỉ lệ trường tư	20%	16,2%	9,3%	13,5%	18,3%

(trường tôn giáo, của các tổ chức thiện nguyện, trường quốc tế)

HỆ THỐNG GD THÁI LAN

GD mầm non



- 100% đi học (kết quả Luật Giáo dục Quốc gia 1999)
- Nhiều hình thức khác nhau và cả công tư.



HỆ THỐNG GD THÁI LAN

GD tiểu học



- 8 môn: Tiếng Thái, toán, khoa học, KHXH, GD thể chất và sức khỏe, nghệ thuật, hướng nghiệp và ngoại ngữ
- Tuy bao cấp và bắt buộc, nhưng thực tế đi học chỉ 89.7%.
- Đang có quan ngại về chất lượng, đặc biệt môn Toán và tiếng Anh



HỆ THỐNG GD THÁI LAN

GD trung học



- Tỷ lệ nhập học THCS 74% so với 64% 2002.
- Tuy THCS = GD cưỡng bách, vẫn có một số nhóm không đi học. Nhà nước cho học bổng
- Các môn: Tiếng Thái, toán, khoa học, tiếng Anh. Môn tự chọn, eg. Đạo Hồi
- THCS có 2 luồng: học thuật và đào tạo nghề (hệ thống đôi học tại trường và tại doanh nghiệp).

HỆ THỐNG GD THÁI LAN

trung học chuyên nghiệp



- 400 trường công (nông nghiệp, điều dưỡng, quản lý khách sạn-NH, ...) có khá nhiều trường tư.
- Ba hình thức: chương trình đôi, chính quy và phi chính quy. Có cấp bằng và liên thông ĐH.
- Đã xây dựng Khung bằng cấp Đào tạo nghề, xác định chuẩn kỹ năng và kiến thức



HỆ THỐNG GDTHÁI LAN

đại học –cao đẳng



- 71 trường tư, 20 trường cao đẳng cộng đồng và 80 ĐH-CĐ công lập trong đó có 63 trường đH tuyển sinh chọn lọc, 2 trường ĐH mở, 15 trường tự chủ (bao gồm 2 trường Phật giáo).
- Tuyển sinh tập trung. Một số trường tự tuyển sinh.
- Tỷ lệ hsPT vào ĐH 74% gross enrolment rate in tertiary education đạt 47.7% (2011) Lý do: GDPT miễn phí, cơ chế cho vay
- Tăng cường tự chủ trường công. CT chất lượng cao+ học phí cao. Trường công chiếm 85% SỐ SV

HỆ THỐNG GD THÁI LAN

tài chính và quản trị



- 29.5% ngân sách quốc gia chi cho GD, vượt xa nhiều nước ASEAN, liên tục trên 20%. Nguồn tư nhân chiếm $\frac{1}{4}$ tổng chi cho GD nhưng có xu hướng giảm.
- Bộ Trưởng nhấn mạnh thúc đẩy khu vực tư
- Từ 2006 phân quyền cho địa phương



HỆ THỐNG GD THÁI LAN

chất lượng



- HS tiểu học và trung học kém tiếng Anh, toán, khoa học. Kết quả PISA; dưới mức TB của OECD. ½ HS Thái không có kỹ năng đọc viết cơ bản.
- Vấn đề là: các trường được cung cấp nguồn lực tốt hơn bao giờ hết, nhưng kết quả thì đi xuống
- Chất lượng giáo viên
- Cơ cấu phân bổ dựa trên đầu HS
- 6 lĩnh vực cải cách: chương trình, dạy và học, thi cử, tuyển sinh, đánh giá giáo viên, kiểm định chất lượng

HỆ THỐNG GD THÁI LAN

bình đẳng



- Không có vấn đề với bình đẳng giới. HS nam ở lại lớp nhiều hơn
- Tuy có hỗ trợ của nhà nước, một số nhóm có ít khả năng hoàn thành bậc trung học PT: trẻ vùng sâu vùng xa, trẻ trong gia đình nhập cư, trong cộng đồng người dân tộc



ASEAN 6-INDONESIA

(p.44)



HỆ THỐNG GD INDONESIA



- ◆ Indonesia là một quần đảo (17.000 đảo- Khó tổ chức một hệ thống GD thống nhất)
- ◆ 237 triệu dân, 300 nhóm sắc tộc, 700 ngôn ngữ. Một nửa sống ở nông thôn. 59% dân số sống tại hai đảo Java và Bali.
- ◆ GDP 3563 USD

	Tiểu học	trung học Cơ sở	Trung học phổ thông	đại học
Tỉ lệ nhập học	96%	77%	58%	27%
Hoàn thành bậc học	95%	98%	96%	N/A



HỆ THỐNG GD INDONESIA:



giáo dục mầm non

- GD mầm non: nhà trẻ+ nhóm trẻ + trung tâm chăm sóc trẻ kết hợp nhóm trẻ
- Chính phủ có cách tiếp cận phối kết hợp nhằm hỗ trợ các nhóm khó khăn, và đào tạo chính quy/không chính quy về giáo dục gia đình qua nhiều hình thức



HỆ THỐNG GD INDONESIA:



giáo dục tiểu học

- Chủ yếu trường công 6 năm. Năng khiếu 5 năm.
- 10% trường Hồi giáo. Các môn: Tiếng Indo, toán, khoa học, khoa học xã hội, giáo dục thể chất và giáo lý
- Thi tốt nghiệp tiểu học: Tiếng Indo, Toán và Khoa học. Không chỉ nhằm đánh giá kết quả mà còn giúp hướng dẫn vào bậc trung học

HỆ THỐNG GD INDONESIA:



trung học cơ sở

- THCS= 3 năm. Chỉ 88,2% HS từ tiểu học vào trung học. Cách biệt giữa giàu nghèo, thành thị và nông thôn khá rõ rệt.
- Kỳ thi tốt nghiệp THCS: tiếng Indo, tiếng Anh, Toán, Khoa học.



HỆ THỐNG GD INDONESIA: trung học phổ thông



- Có 2 loại trường: học thuật và định hướng nghề
- Chỉ 58% HS vào THPT tuy có 78% tốt nghiệp PTCS. Vì số trường THPT có ít hơn.
- Gần đây chính phủ chi nhiều tiền bao cấp hơn nhằm đạt 98% THPT
- Kết quả PISA của Indonesia: 57/65 quốc gia.



HỆ THỐNG GD INDONESIA: trung học chuyên nghiệp



- Đào tạo nghề đang được mở rộng mạnh mẽ, tăng gấp đôi so với 2001, nhờ những chính sách ưu tiên của nhà nước,
- Động lực: đáp ứng yêu cầu của HS. Vẫn là lựa chọn thứ yếu
- Chính quy/ không chính quy : trung học nghề + cao đẳng cộng đồng (chương trình 3 năm)
- The National Education Standards Board quy định chuẩn năng lực

HỆ THỐNG GD INDONESIA:



giáo dục đặc biệt

- **Special Needs Education:** chính quyền địa phương phải mở ít nhất 1 trường cho HS khuyết tật. Thiếu ngân sách và giáo viên .
- **Non-formal Education:** tương đương tiểu học và trung học, cho những người bỏ học .
- **Islamic Schools:** 13% tổng số học sinh. Chú trọng giáo lý, kinh Côran, tiếng Ả rập, truyền thống và lịch sử Hồi giáo, nhấn mạnh tuân theo người lớn. Ở khu vực nghèo. Có tài trợ quốc tế

HỆ THỐNG GD INDONESIA: đại học



- 5,4 triệu sinh viên, khu vực tư đang mở rộng mạnh mẽ. Gồm 4 loại: đại học, viện, học viện và trường bách khoa. 3,673 cơ sở đào tạo (2009), 273 trường công chiếm 43% tổng số SV.
- Kế hoạch 2011-25 nhằm mở rộng cơ hội tiếp cận và công bằng (bao cấp + học bổng), bảo đảm thích ứng thị trường lao động, tăng cường hiệu quả quản trị;



HỆ THỐNG GD INDONESIA:



tài chính và quản trị

- Luật: 20% ngân sách chi cho GD. Phân quyền từ 1999
- Các trường nhận ngân sách từ địa phương nhưng cũng có thể được bổ sung từ NS TW. 85% chi lương Governance and Management
- Vai trò của địa phương và các hiệu trưởng tăng cao dẫn tới PPGD+chương trình đáp ứng tốt hơn nhu cầu và quan tâm của HS + cộng đồng.
- Chuẩn quốc gia?

HỆ THỐNG GD INDONESIA:

sư phạm



- Khó khăn về mặt ngôn ngữ: Bahasa Indonesia là ngôn ngữ chính thức của quốc gia nhưng rất nhiều người không nắm vững. Cấp 1 học tiếng mẹ đẻ, cấp 2 học tiếng Bahasa Indo, học môn Toán & Khoa học bằng tiếng Anh.
- Giáo viên quen dạy học vẹt
- Dạy nhiều lớp đồng thời ở vùng xa

HỆ THỐNG GD INDONESIA:



bình đẳng và chất lượng

- Thành tích tốt về bình đẳng giới. Nữ học giỏi hơn nam
- Một nửa trường hợp bỏ học là do chi phí. Ở Cấp trung học 80% học sinh từ nhóm giàu nhất, nhưng chỉ 20% từ nhóm nghèo nhất.
- GV tiểu học tăng 30% (từ 2004) tuy nhiên tỉ lệ GV-HS không cải thiện. Do phân quyền quản lý tài chính chất lượng GV vùng nông thôn cũng khá hạn chế

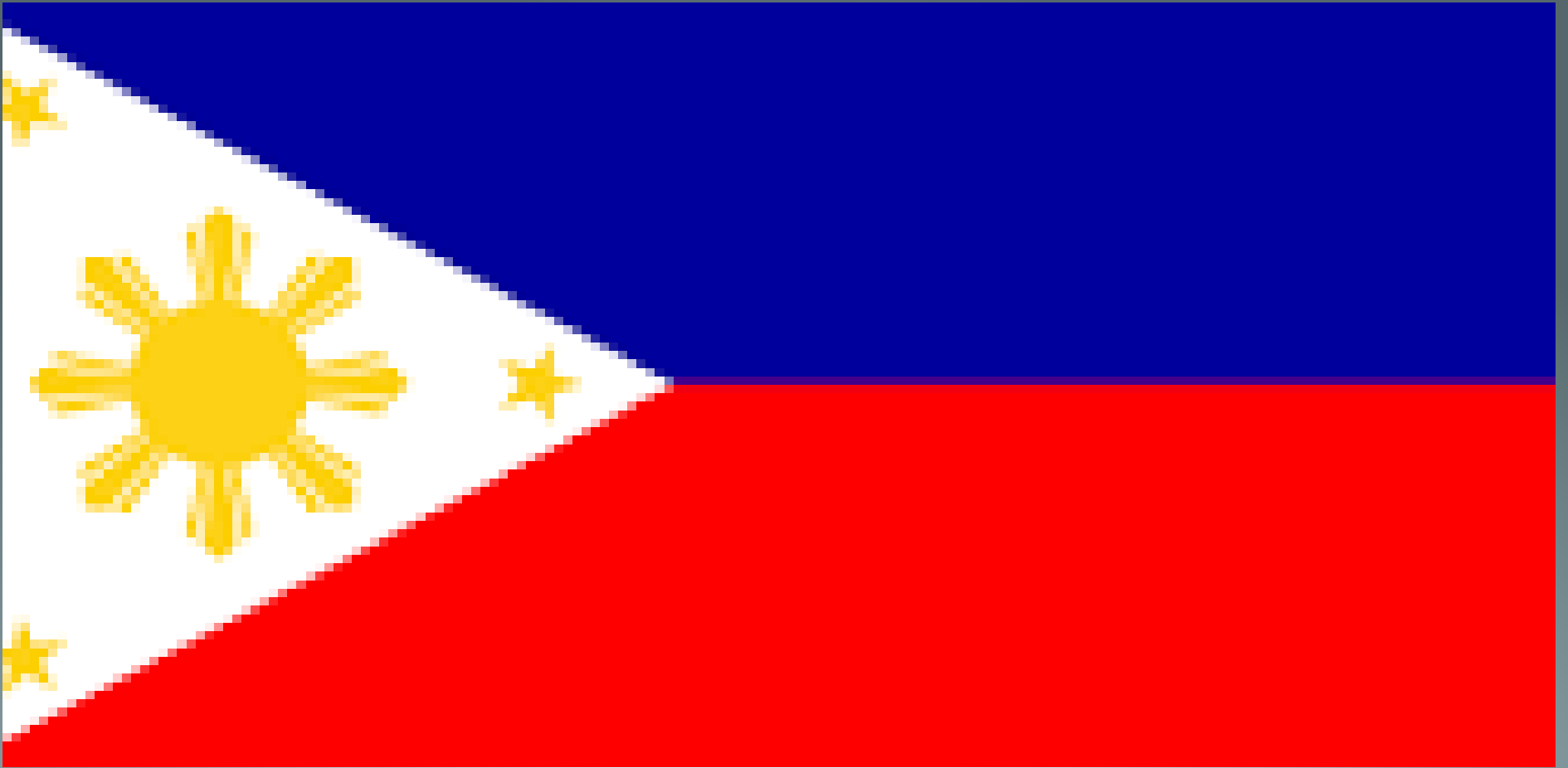
HỆ THỐNG GD INDONESIA:



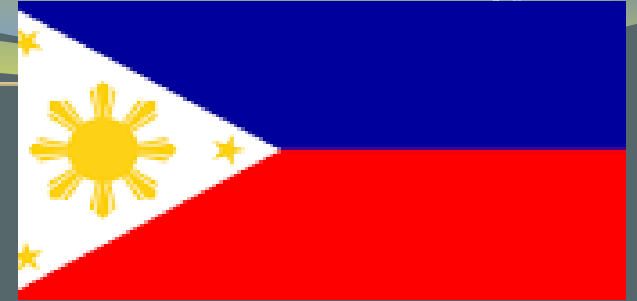
bình đẳng và chất lượng

- Thành tích tốt về bình đẳng giới. Nữ học giỏi hơn nam
- Một nửa trường hợp bỏ học là do chi phí. Ở Cấp trung học 80% học sinh từ nhóm giàu nhất, nhưng chỉ 20% từ nhóm nghèo nhất.
- GV tiểu học tăng 30% (từ 2004) tuy nhiên tỉ lệ GV-HS không cải thiện. Do phân quyền quản lý tài chính chất lượng GV vùng nông thôn cũng khá hạn chế

ASEAN 6-PHILIPPINES (p.73)



PHILIPPINES



- Quần đảo gồm 7,000 đảo, dân số 96 triệu, một nửa sống ở thành thị. 13 ngôn ngữ. 160 phương ngữ. $\frac{1}{2}$ dân số dùng tiếng Phi. ngôn ngữ QUỐC GIA CHÍNH THỨC LÀ TIẾNG Philippines và tiếng Anh
- GDP đầu người US\$2.341. Có 24% dân số sống dưới mức nghèo đói.



HỆ THỐNG GD PHILIPPINES

- 95.4%Biết chữ. Tỷ lệ vào trung học 64.6%, hoàn tất tiểu học 75.3%.

TUỔI	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Lớp				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Cấp học	Mầm non			Tiểu học						THCS			THPT		
Bắt buộc	Bắt buộc														
Chi phí	Miễn phí hoàn toàn														



HỆ THỐNG GD PHILIPPINES: giáo dục mầm non



- Bắt buộc.
- Học vần, đếm số, hình dáng màu sắc, trò chơi, bài hát, phát triển kỹ năng giao tiếp



HỆ THỐNG GD PHILIPPINES: giáo dục tiểu học



- Học tiếng PHI, tiếng Anh, toán, khoa học, một số môn tự chọn (vd: văn hóa Phi, công dân, lịch sử, y tế, v.v.). HS không tiến bộ sẽ được hỗ trợ, có khi phải ở lại lớp
- Hết lớp 6 được cấp bằng và vào THCS trừ 1 số trường tư phải thi vào.

HỆ THỐNG GD PHILIPPINES:

giáo dục trung học



- THCS học các môn: Tiếng Phi, tiếng Anh, khoa học, toán, và *Makabayan*. Đánh giá qua điểm thi, 75% là đạt. Dưới 65% có thể phải lưu ban. 3.7% HS lớp 7, 5,5% trẻ nam lưu ban.
- Có 1 số ít trường có chương trình TVET (nông ngư nghiệp, nghệ thuật, thương mại, v.v.)
- Tuy miễn phí, nhà trường có thể kêu gọi đóng góp tự nguyện
- Cải cách chương trình từ 2015-16.

HỆ THỐNG GD PHILIPPINES: trung học chuyên nghiệp



- TVET: chính quy 1-3 năm hoặc phi chính quy do các trung tâm đào tạo chuyên nghiệp, hoặc trong bối cảnh cộng đồng chủ yếu cho người nghèo do các DN thực hiện
- Đã có 4,297 chương trình TVET đăng ký, 90% của tư nhân. Bằng cấp TVET cũng nằm trong 1 số chương trình ĐH-CĐ eg. nông ngư nghiệp, y tế, ICT, du lịch, sư phạm, kỹ thuật, v.v...

HỆ THỐNG GD PHILIPPINES: đại học và cao đẳng



- 1,871 trường ĐH-CĐ, 88% là trường tư. Cử nhân 4-8 năm.
- Luật GDĐH 1994 nhấn mạnh bảo đảm CL nội bộ. Kết quả, các trường có mức tự chủ cao và có truyền thống chính trực và uy tín vững chắc nhờ cam kết gắn với sự ưu tú.



HỆ THỐNG GD PHILIPPINES: mức độ bình đẳng



- Tiểu học: có mức bình đẳng giới tốt tuy có khó khăn trong việc ngăn HS nam bỏ học. Nam có xu hướng lưu ban nhiều hơn.
- Khác biệt trong các nhóm giàu nghèo, tương tự các nước khác trong ASEAN



HỆ THỐNG GD PHILIPPINES: tài chính



- 12.3% ngân sách quốc gia chi cho GD (2009) hiện đã tăng gần gấp đôi (2014).
- Chi phí bao cấp cũng tăng đáng kể do số HS tăng (dự kiến 1,3 triệu năm 2016), và do tiến hành cải cách (giải quyết việc thiếu phòng học, thiếu giáo viên).



HỆ THỐNG GD PHILIPPINES: sự phạm & chất lượng



- Là vấn đề quan ngại do kết quả kỳ thi National Achievement Tests tiến triển rất khiêm tốn.
- Cải cách sự phạm 2006-10 nhằm xác lập tiêu chuẩn năng lực giáo viên; là cơ sở cho đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng và sa thải.



VIỆT NAM (p. 94)



VIETNAM



- Viet Nam chuyển sang kinh tế định hướng thị trường từ giữa thập kỷ 80. tạo điều kiện cho tăng trưởng đáng kể.
GDP: US\$1,403,
- Dân số 90 triệu; 13.1% dưới mức nghèo đói. 53 sắc tộc 86% là người Kinh.



VIETNAM



- 93.4% biết chữ (96.7% nữ). NER tiểu học 99% là cao survival rates cũng rất cao (99% tiểu học, 87.24% trung học). GER sau trung học 54.25% là rất cao



HỆ THỐNG GD VIỆT NAM



Tuổi	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Lớp				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Cấp học	Mẫu giáo			TiỂU HỌC					TRUNG HỌC CƠ SỞ				TRUNG HỌC PHỔ THÔNG		
Bắt buộc	Tự nguyện			BẮT BUỘC									Tự nguyện		
CHI PHÍ	Miễn phí												Đóng tiền		

HỆ THỐNG GD VIỆT NAM

giáo dục mầm non



- Nhà trẻ chủ yếu ở thành phố. Khu vực tư chiếm một nửa số HS. GER nhà trẻ là 20% mẫu giáo 90%.



HỆ THỐNG GD VIỆT NAM

giáo dục tiểu học



- 15.172 trường tiểu học, 6,9 triệu học sinh trong đó 47,3% là nữ
- Chương trình thống nhất quốc gia với chút ít bổ sung của địa phương. Các trường được khuyến khích dạy tiếng Anh như chương trình tự chọn.



HỆ THỐNG GD VIỆT NAM

giáo dục trung học



- Có 10.060 trường THCS (5,2 triệu HS, 49,8% nữ) + 2242 trường THPT (2,886 triệu HS, 50,2% nữ)
- Thi tốt nghiệp 6 môn + 3 môn tự chọn và được cấp bằng



HỆ THỐNG GD VIỆT NAM

trung học chuyên nghiệp



- 2 nhánh: trung cấp chuyên nghiệp và cao đẳng nghề
- Trung học chuyên nghiệp do Bộ GDĐT và chính quyền tỉnh quản lý, học 3-4 năm (THCS) hoặc 1-2 năm (THPT). có 290 trường trung cấp chuyên nghiệp, trong đó có 199 trường công lập. Có 686.184 học viên
- Cao đẳng/trung cấp nghề, do Bộ LĐ TBXH quản lý. Có 128 trường cao đẳng nghề, 308 trường trung cấp nghề, 908 trung tâm đào tạo nghề và hơn 1.000 cơ sở khác cung cấp các khóa đào tạo nghề. Tổng số học viên 2011 là 1.860.000

HỆ THỐNG GD VIỆT NAM

cao đẳng và đại học



- 425 trường. Tách biệt giữa giảng dạy-nghiên cứu. Khu vực tư chiếm 19% số trường 14% số sinh viên
- Chỉ 44 trường và 71 viện nghiên cứu được đào tạo tiến sĩ.
- Tuyển sinh dựa trên kỳ thi quốc gia.



HỆ THỐNG GD VIỆT NAM

tài chính và quản trị



- 20% ngân sách, trong đó 52% cho GD phổ thông. Đóng góp của người dân cũng rất lớn.
- Nhu cầu cải cách về quản trị: phân quyền và tăng cường tự chủ



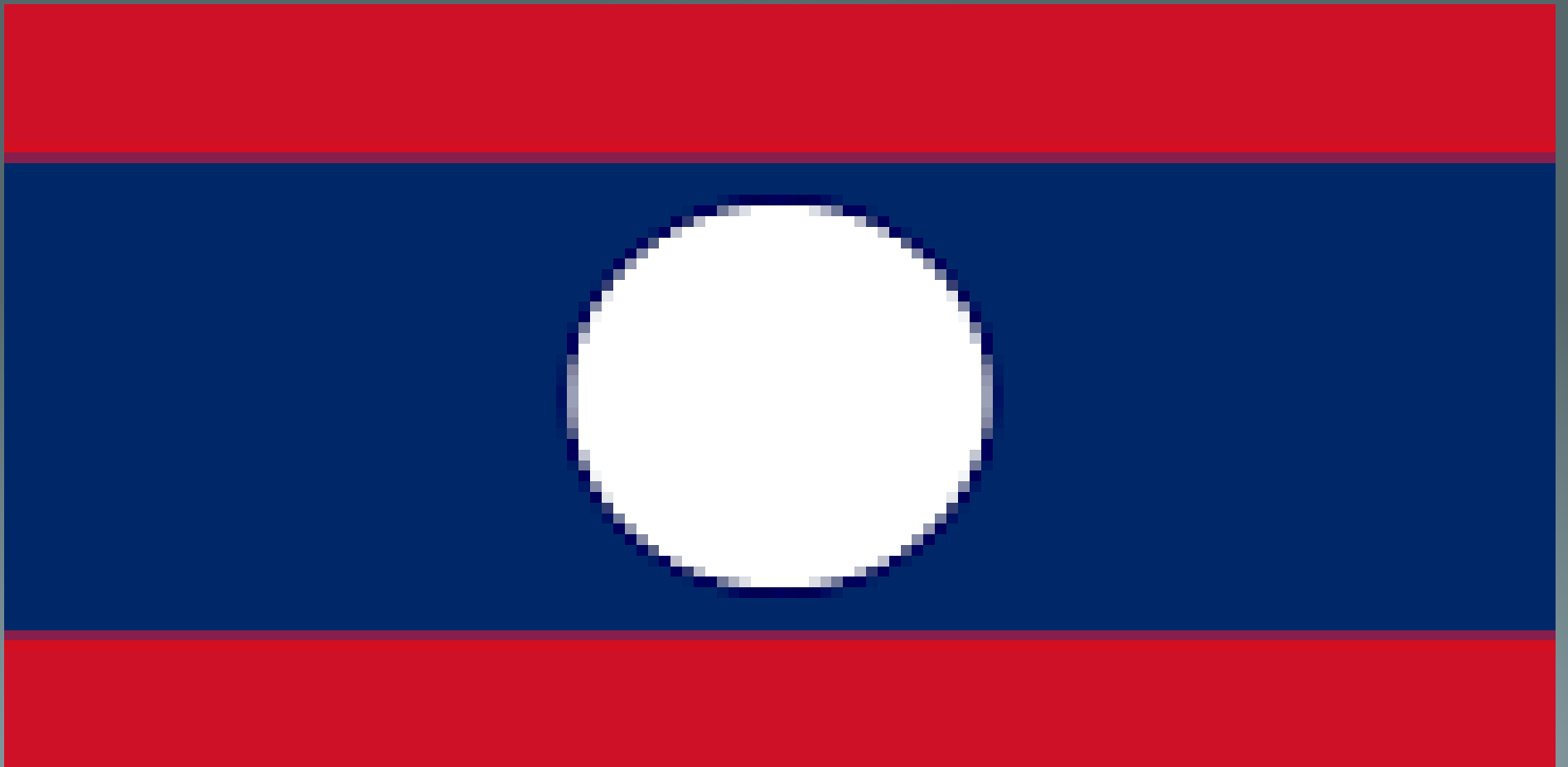
HỆ THỐNG GD VIỆT NAM

sự phạm & chất lượng

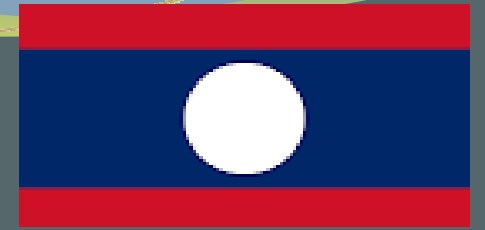


- Thiên về học thuộc và ghi nhớ hơn là phát triển kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề.
- Bộ GDĐT với hỗ trợ World Bank, đang thí điểm mô hình trường học mới coi HS là trung tâm và cải thiện chất lượng PPGD.
- Tuy vậy, thiếu tài liệu học tập và cơ sở vật chất vẫn là trở ngại.
- Thiếu cơ chế review chương trình. Tiêu chuẩn quốc gia đang được áp dụng nhưng không có cơ chế tuân thủ. DN đang đòi hỏi nhiều hơn.

CHND LÀO (p. 53)

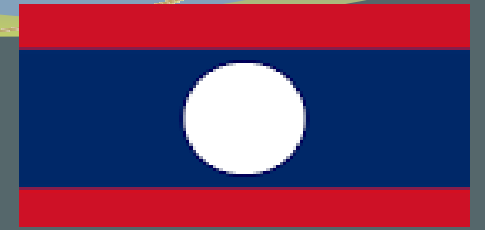


HỆ THỐNG GIÁO DỤC LÀO



- Lào chuyển từ kinh tế tập trung sang kinh tế định hướng thị trường từ giữa thập kỷ 80. Kinh tế tăng trưởng những năm 90 nhưng chỉ ổn định gần đây GDP \$1,279. 24% dân số sống dưới mức nghèo đói.
- DT=2/3 Việt Nam nhưng dân số không đến 7 triệu. 49 sắc tộc. Nhóm sắc tộc lớn nhất 58% dân số.
- Phần lớn là vùng núi

HỆ THỐNG GIÁO DỤC LÀO



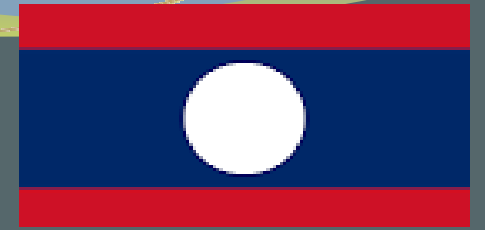
- NER tiểu học: 96.5% . GER ở THCS 69% THPT 37%, biết đọc viết : Nam (15 t-24t) s 77.4% nữ 68.7%.
- The survival rate tiểu học 73.3%.



Tuổi	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Lớp				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Cấp học	Mẫu giáo			TiỂU HỌC					TRUNG HỌC CƠ SỞ				TRUNG HỌC PHỔ THÔNG		
Bắt buộc	Tự nguyện			BẮT BUỘC					Tự nguyện						
Chi phí	Đóng tiền			Miễn phí					Đóng tiền						

HỆ THỐNG GD LÀO

giáo dục mầm non



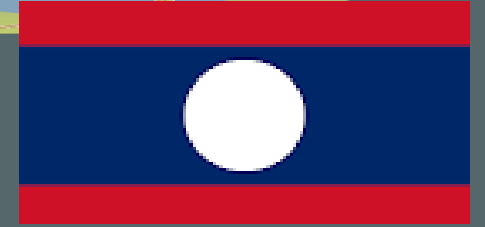
- Nhà trẻ: 3 tháng – 3 tuổi, mẫu giáo : 2-5 tuổi. Chi phí cao hạn chế số trẻ : chỉ 33%, (ASEAN 62% in nhưng hơn nhiều so với 15% năm 2008.
- Khu vực tư chiếm 22% chủ yếu ở thủ đô
- Thiếu GV đặc biệt ở những vùng tiếng Lào không phải là tiếng mẹ đẻ.



- | | | | | | | | | |
|----------|----------|----------|----------|----------|----------|-----------|----------|-----------|
| က | ຂ | ဓ | ၅ | ຈ | ဆ | ဒု | ပ | ဂ |
| k | kh-, -k | kh-, -k | ng | č-, -t | s-, -t | s-, -t | f | d-, -t |
| 1 | 2 | 3 | 3 | 1 | 2 | 3 | 1 | 1 |
| တ | ရ | ဟ | န | ပ | ဖ | ဗ | မ | ယ |
| t | th-, -t | th-, -t | n | b-, -p | b-, -p | ph | f-, -p | ph-, -p |
| 1 | 2 | 3 | 3 | 1 | 1 | 2 | 3 | 3 |
| လ | ဝ | ဃ | စ | ခ | သ | ဘ | ဇ | ဇာ |
| f-, -p | m | y | r-, -n | l-, -n | w | h | ʔ | h |
| 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 | 2 | 1 | 3 |

HỆ THỐNG GD LÀO

giáo dục trung học phổ thông

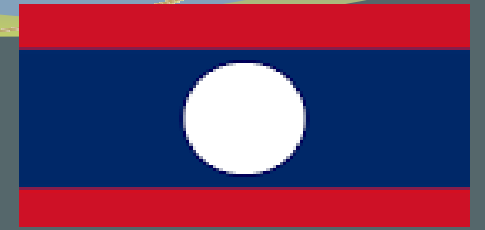


- Nhờ nguồn vốn ODA đã cải thiện đáng kể cơ sở hạ tầng các trường + nhà trọ GV và ký túc xá,
- Thiếu GV+ lương rất thấp và ở vùng nông thôn không có nguồn thu nhập phụ.
- Cách biệt giữa các nhóm nam nữ, giàu nghèo, thành thị nông thôn rất nổi bật.



HỆ THỐNG GD LÀO

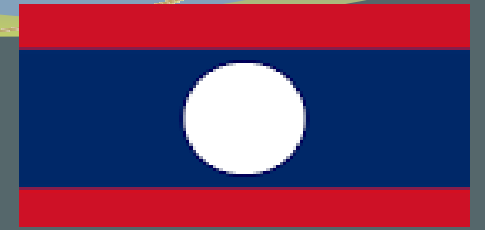
trung học chuyên nghiệp



- Có thể vào trung học nghề từ lớp 9 (3năm) hoặc 12 (2 năm).
- Có nhiều loại trung học nghề. 27 ngành (nông nghiệp thủ công mỹ nghệ, kinh doanh, v.v)
- Thiếu kỹ thuật viên lành nghề tuy vậy TVET bị coi là thiếu hấp dẫn.

HỆ THỐNG GD LÀO

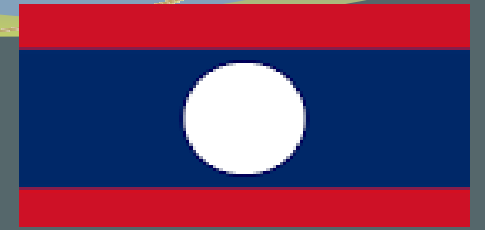
đại học & cao đẳng



- 5 trường ĐH công, 10 trường sư phạm, và 50 cơ sở đào tạo cấp bằng khác. Trọng tâm là các trường cao đẳng (3 năm) và cấp bằng cử nhân (4-6 năm). 2 trường cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ phải làm ở nước ngoài.
- GER tăng nhanh và trường tư đóng góp quan trọng
- 2/3 giảng viên DH-CD có bằng cử nhân, tỉ lệ bằng TS thấp.

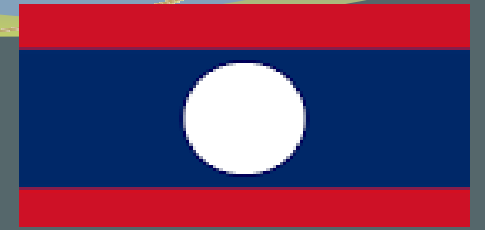


HỆ THỐNG GD LÀO đại học & cao đẳng



- 5 trường ĐH công, 10 trường sư phạm, và 50 cơ sở đào tạo cấp bằng khác. Trọng tâm là các trường cao đẳng (3 năm) và cấp bằng cử nhân (4-6 năm). 2 trường cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ phải làm ở nước ngoài.
- GER tăng nhanh và trường tư đóng góp quan trọng
- 2/3 giảng viên DH-CD có bằng cử nhân, tỉ lệ bằng TS thấp.

HỆ THỐNG GD LÀO đại học & cao đẳng



- 5 trường ĐH công, 10 trường sư phạm, và 50 cơ sở đào tạo cấp bằng khác. Trọng tâm là các trường cao đẳng (3 năm) và cấp bằng cử nhân (4-6 năm). 2 trường cấp bằng thạc sĩ, tiến sĩ phải làm ở nước ngoài.
- GER tăng nhanh và trường tư đóng góp quan trọng
- 2/3 giảng viên DH-CD có bằng cử nhân, tỉ lệ bằng TS thấp.

HỆ THỐNG GD LÀO đào tạo phi chính quy

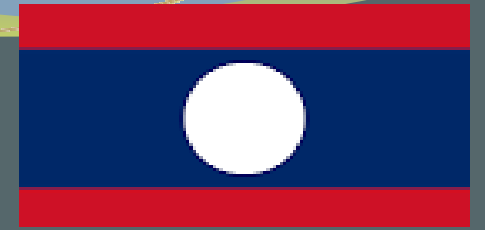


- Nhằm vào lứa tuổi 15-40: xóa mù, đào tạo nghề.
- Tuy công nhận tầm quan trọng nhưng cung cấp ngân sách không đủ. Thiếu nhân lực, nguồn lực, tài liệu



HỆ THỐNG GD LÀO

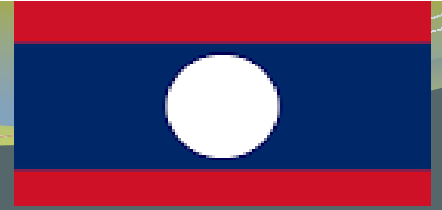
tài chính và quản trị



- 17,3% ngân sách chi cho GD và sẽ tăng. Chính phủ dựa vào ODA để đầu tư cơ sở vật chất (79% chi xây dựng cơ bản 2013)
- Tăng cường phân quyền, minh bạch qua chất lượng thông tin, cải thiện quá trình ra quyết định bằng tư vấn; tái cấu trúc quan hệ giữa trung ương và địa phương nhờ tài trợ của các tổ chức quốc tế, kết quả ngày càng thấy rõ
- Cải thiện cơ chế quản trị cấp trường

HỆ THỐNG GD LÀO

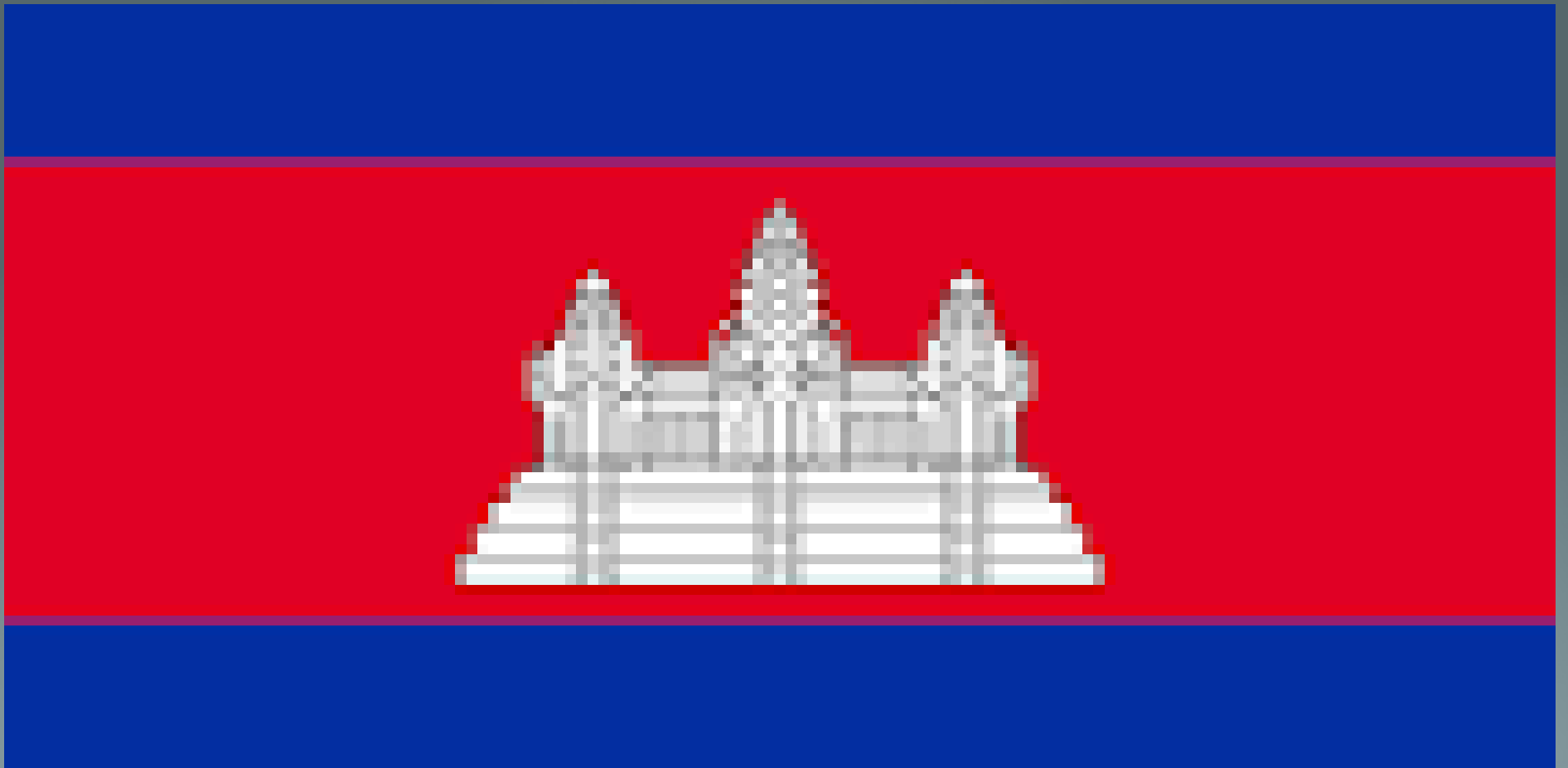
thách thức: sự phạm & bình đẳng



- Dạy thuộc lòng – Thiếu tài liệu – Thiếu giáo viên – Thiếu tiền trả lương
- Bình đẳng giới có vấn đề đặc biệt ở nông thôn.



CAMBODIA (p.37)



HỆ THỐNG GD CAMBODIA



- Cambodia có gần 15 triệu dân, 80% sống ở nông thôn. 32% dưới 14 tuổi.
- GDP \$1007 (2013), $\frac{1}{4}$ dân số sống dưới mức nghèo đói). 90% nói tiếng Khmer và theo đạo Phật.
- Tỷ lệ biết chữ 73.9% thấp hơn nhiều mức trung bình của UNESCO. NER tiểu học 97%

HỆ THỐNG GD CAMBODIA



- Cambodia có gần 15 triệu dân, 80% sống ở nông thôn. 32% dưới 14 tuổi.
- GDP \$1007 (2013), $\frac{1}{4}$ dân số sống dưới mức nghèo đói). 90% nói tiếng Khmer và theo đạo Phật.
- Tỷ lệ biết chữ 73.9% thấp hơn nhiều mức trung bình của UNESCO. NER tiểu học 97%

HỆ THỐNG GD CAMBODIA



Tuổi	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Lớp				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Cấp học	Mẫu giáo			TiỂU HỌC						TRUNG HỌC CƠ SỞ			TRUNG HỌC PHỔ THÔNG		
Bắt buộc	Tự nguyện			BẮT BUỘC									Tự nguyện		
Chi phí	Đóng tiền (ít)			Miễn phí											

HỆ THỐNG GD CAMBODIA

giáo dục mầm non



- NER chỉ 13% chủ yếu ở thành phố lớn. Đang mở rộng nhanh nhất là ở đô thị
- Có 3 loại, phổ biến nhất là trường mầm non công lập, sau đó là trường tư và trường dân lập (ở nông thôn thường là miễn phí).
- Trở ngại chính là thiếu gv được đào tạo.
- Thiếu trường cho trẻ khuyết tật và thiểu số
- Dựa trên hỗ trợ quốc tế (đào tạo GV và xây dựng chương trình)

HỆ THỐNG GD CAMBODIA

giáo dục tiểu học



- NER 97% (so với 2005 là 91%), nhiều trường mới được xây dựng ở nông thôn, nhưng 'survival rate' chỉ 69% .
- 10% trẻ vào lớp không đúng độ tuổi. 10% lưu ban.
- 2001 bỏ học phí tiểu học . Tuy vậy trẻ phải giúp gia đình làm ruộng



HỆ THỐNG GD CAMBODIA

giáo dục trung học



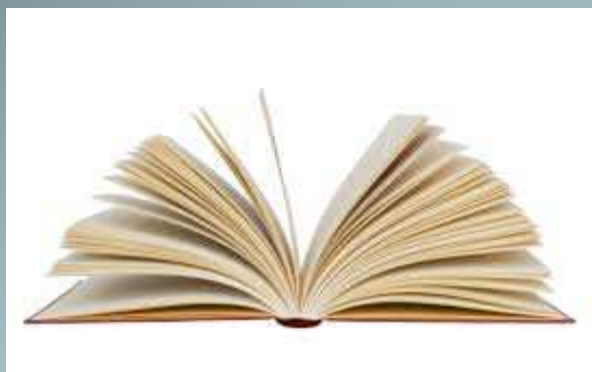
- GER ở THCS 60%,36 tăng so với 53,6% năm 2005 nhiều vùng nông thôn vẫn chưa có trường. Học bổng cho trẻ nữ và nhà nghèo có tác động tích cực, tuy vậy mục tiêu phổ cập 2015 còn khó khăn.
- GER ở THPT chỉ 27.8%. Nữ chiếm 46% học sinh. Phải thi THCS mới được vào THPT. Tuy 95% thi đậu, chỉ 71,5% tiếp tục học THPT.

HỆ THỐNG GD CAMBODIA

trung học chuyên nghiệp



- Mới hình thành, quy mô nhỏ. 14.000 HS. 80,000 học các chương trình ngắn hạn. Một số do tư nhân thực hiện.
- TVET không hấp dẫn người học mặc dù được các nhà tuyển dụng quan tâm..



HỆ THỐNG GD CAMBODIA

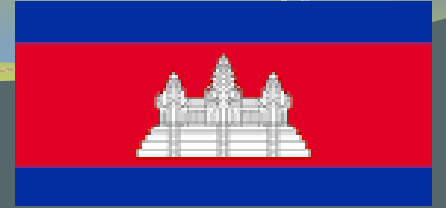
cao đẳng và đại học



- 34 cơ sở đào tạo công lập trong đó có 15 trường ĐH, 54 trường tư (26 ĐH) tại 19 tỉnh
- 50-100 ngàn sinh viên. Số SV trường tư gấp đôi trường công. 2008 đến nay nhiều trường tư mới được thành lập
- Khó khăn: Chất lượng và sự công nhận của quốc tế
- Thị trường lao động kỹ năng cao vẫn thiếu những người có kỹ năng phân tích và ra quyết định.

HỆ THỐNG GD CAMBODIA

giáo dục phi chính quy



- Nhằm bảo đảm GD cơ bản và học tập suốt đời cho mọi đối tượng (người nghèo, người lớn, người khuyết tật, v.v.)
- trọng tâm là xóa mù chữ và kỹ năng sống+ kỹ năng nghề nghiệp cơ bản.
- Thiếu nguồn ngân sách, nhân lực, sự hỗ trợ của cộng đồng, tình trạng nhập cư, v.v.,

HỆ THỐNG GD CAMBODIA

tài chính và quản trị



- Ngân sách cho GD tăng (30% đến 2015) nhưng vẫn thiếu nghiêm trọng vì Cambodia là nước nghèo
- Trong 15 năm qua, nhà nước tiêu tiền cho việc mở rộng hệ thống: hủy bỏ học phí, xây thêm trường. Hiện nay hướng tới cải thiện chương trình, đào tạo GV
- ODA tiếp tục có vai trò quan trọng chiếm 20% tổng chi GD và chú trọng xây dựng năng lực
- Tăng cường phân quyền gặp khó khăn do năng lực quản lý của địa phương.

HỆ THỐNG GD CAMBODIA

sư phạm & chất lượng



- Phổ biến học vẹt + yếu kém về ngôn ngữ
- Chính phủ áp dụng thi đánh giá kết quả học tập lớp 3,6,9 với bài thi ẩn danh mục đích để nắm bắt chất lượng hệ thống.
- Cải cách trả lương dựa trên kết quả công việc và khích lệ GV dạy ở vùng sâu vùng xa.



MYANMAR (P.66)



MYANMAR



- 61 TRIỆU dân, GDP US\$875 in 2011. $\frac{1}{4}$ dân số nghèo đói. 130 sắc tộc người Bamar chiếm 68% dân số.
- 95% biết chữ. NER tiểu học chỉ 41.61% (2011) (so với mức trung bình của khu vực 73%).
- 135 trường trung học, 233 trường cấp 2, 1025 trường tiểu học. Tuyển thêm nhiều GV.



HỆ THỐNG GD MYANMAR



Tuổi	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Lớp				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Cấp học	Mẫu giáo			TiỂU HỌC					TRUNG HỌC CƠ SỞ				TRUNG HỌC PHỔ THÔNG	
Bắt buộc	Tự nguyện			BẮT BUỘC					Tự nguyện					
Chi phí	Miễn phí								Đóng học phí rất thấp (1,5- 2 USD mỗi năm)					

HỆ THỐNG GD MYANMAR: giáo dục mầm non



- Không gắn với hệ thống giáo dục. Chỉ 1/5 trẻ được học, và rất ít cơ hội cho trẻ nông thôn



HỆ THỐNG GD MYANMAR: giáo dục tiểu học



- Mới gần đây tiểu học mới được coi là bắt buộc và miễn phí. Sách GK được cung cấp cho 5,5 HS. NER 98.55%.
- Survival rate 84,61%, chủ yếu do khả năng chi trả. Chỉ 70% HS cấp 1 vào cấp 2 . So với năm đầu cấp 1, chỉ 50% hs là vào tiếp cấp , và chỉ 28% vào cấp 3, đến hết lớp 11, chỉ còn 23,9%.



HỆ THỐNG GD MYANMAR: giáo dục trung học



- Một lý do khiến số hs giảm dần khi lên cao là bản chất chọn lọc ngày càng cao của các kỳ thi.
- Chỉ hơn nửa thí sinh tốt nghiệp trung học là đạt.
- Trường của Phật giáo có vai trò quan trọng, dạy trẻ mồ côi, nhà nghèo (240 ngàn HS, chiếm 3% tổng số). Tác động khó ước lượng . Dựa vào đóng góp và tài trợ. Chính phủ trả lương cho các GV tình nguyện dạy tại đây.

HỆ THỐNG GD MYANMAR: trung học chuyên nghiệp



- Học hết cấp 2. Thuộc quản lý của 18 Bộ ngành và ngày càng nhiều sự tham gia của khu vực tư,
- Có chương trình chính quy cấp bằng + đào tạo ngắn hạn.
- Bộ KH-CN quản lý hệ thống trung học nghề. Các Bộ khác thường đào tạo ngắn hạn.
- Khả năng kiếm việc làm?
- Thiếu GV, thiết bị giảng dạy và sự phối hợp với DN.

HỆ THỐNG GD MYANMAR: cao đẳng & đại học



- Vẫn giống như miêu tả trong Luật GDĐH 1973. Có 13 bộ chủ quản với 168 trường ĐH-CD. Bộ GD quản lý 68 trường (77,8% sinh viên) Bộ KH-CN quản lý 61 trường, 18% SV (HEIs vs TVET?) Bộ Y tế quản lý 15 trường, Bộ Quốc phòng quản lý 5 trường.
- Tất cả đều tổ chức theo chuyên ngành. 83.6% giảng viên là nam. 60.4% SV học từ xa
- Nhiều trường mới đang xây và có kế hoạch tuyển thêm GV.

HỆ THỐNG GD MYANMAR: tài chính & quản trị



- Thiếu tài chính trầm trọng và kéo dài từ lâu tuy chính phủ mới đang tăng ns cho gs hàng năm, 2014 tăng 41% so với 2013. Hiện 6,1% ngân sách nhà nước chi cho GD.
- In 2013-2014 Bộ yêu cầu các hiệu trưởng và giáo sư lên danh sách các thứ thiết bị và tài liệu cần thiết để Bộ đáp ứng.
- top-down decision making. Chương trình, SGK tập trung. Quản lý= tuân thủ. Khó kỷ luật (viên chức)
- *Comprehensive Education Sector Review* với sự hỗ trợ quốc tế

TẦM NHÌN ASEAN VỀ GIÁO DỤC



ƯU TIÊN 1: THÚC ĐẨY NH THÚC VỀ ASEAN



- 1-1. Xây dựng những giá trị chung
- 1-2. Ủng hộ chương trình chung tiểu học và trung học
- 1-3. Xây dựng năng lực quản lý nhà nước về giáo dục 1-4. Ủng hộ những chương trình nghiên cứu bậc ĐH và sau ĐH về ASEAN.
- 1.5. Thiết lập “Góc ASEAN” hay tổ chức “Ngày ASEAN” 8.08 hàng năm;
- 1.6. khích lệ giao lưu văn hóa thể thao

ƯU TIÊN 2: MỞ RỘNG TIẾP CẬN GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

- 2.1. Chia sẻ kinh nghiệm phổ cập và thúc đẩy bình đẳng (qua hợp tác, hỗ trợ kỹ thuật, đối sánh, qua các tổ chức phi chính phủ, tư nhân và sáng kiến cộng đồng, thu thập dữ liệu để lập kế hoạch.
- 2.2. Ghi chép và chia sẻ kinh nghiệm tiếp cận đối tượng khó khăn
- 2.3. Kết hợp phát triển GV có hệ thống + dùng dữ liệu để xây dựng chính sách và lên kế hoạch





ƯU TIÊN 2: TĂNG CƯỜNG CHẤT LƯỢNG

- 2.5. Thúc đẩy mạng lưới các hiệu trưởng, các nhà quản lý, hiệp hội GV, v.v.
- 2.6. Hỗ trợ những sáng kiến phát triển giảng viên.
- 2.7 Chia sẻ kinh nghiệm khích lệ, khen thưởng, đánh giá GV.
- 2.8. Thúc đẩy kiểm định vùng và các chương trình chuyển tiếp.
- 2.9. Tăng cường xây dựng năng lực trong quản lý trường học, lãnh đạo và quản trị.

ƯU TIÊN 3: QUỐC TẾ HÓA VÀ CHUYỂN TIẾP TRONG KHU VỰC

- 3.1. CHIA SẺ kiến thức và nguồn lực tương liên
- 3.2. Đẩy mạnh giao lưu học sinh và học bổng ở mọi cấp.
- 3.3. Xây dựng kế hoạch hành động của khu vực nhằm vào quốc tế hóa GDĐH nhằm vào chiến lược của khu vực



ƯU TIÊN 4:

HỖ TRỢ CÁC TỔ CHỨC LIÊN NGÀNH CÓ LỢI ÍCH/QUAN TÂM VỚI GIÁO DỤC

- 4.1. Hỗ trợ các hội thảo và gặp gỡ nhằm xây dựng quan hệ hợp tác giữa các bộ phận của nền kinh tế khu vực nhằm bổ sung cho nhau và tránh trùng lặp
- 4.2. Phân tích và làm mới việc đào tạo giáo viên trong việc giáo dục bảo vệ môi trường, giảm nguy cơ thảm họa, giáo dục quyền con người và phòng tránh HIV.



Phạm Thị Ly

- Website: www.lypham.net
- Email: lypham63@gmail.com

XIN CẢM ƠN